

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI  
CHI CỤC AN TOÀN  
VỆ SINH THỰC PHẨM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Nai, ngày 12 tháng 6 năm 2023*

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 12/2023/ĐKSP**

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Đồng Nai xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG 3A (VIỆT NAM)**  
**TẠI THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI.**

Địa chỉ: Số 259/8/38, Quốc lộ 51, KP 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513686844

Fax: 02516251788

Cho sản phẩm: **Thực phẩm dinh dưỡng y học: Prosure.**

Do Abbott Laboratories S.A. - Camino de Purchil, 68 18004 Granada, Tây Ban Nha sản xuất phù hợp theo tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố. *U*

**Nơi nhận:**

- Chi nhánh Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam) tại thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: NV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**NGUYỄN ĐÌNH MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 03/2023/ABB-CBSP

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

*Tên tổ chức:* Chi nhánh Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam) tại thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

*Địa chỉ:* Số 259/8/38, Quốc lộ 51, KP 1, phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

*Điện thoại:* 02513686844

*Fax:* 0251.6251788

*Mã số doanh nghiệp:* 0310139770-008

*Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:* không áp dụng

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. *Tên sản phẩm:* Thực phẩm dinh dưỡng y học: Prosure

2. *Thành phần:* Maltodextrin, sucrose, đậm sữa cô đặc, canxi caseinat, dầu cá biển, fructo – oligosaccharid, KHOÁNG CHẤT (natri citrat, magiê sulfat, kali citrat, magiê clorid, kali clorid, kali hydroxid, natri clorid, canxi carbonat, kẽm sulfat, sắt sulfat, mangan sulfat, đồng sulfat, crôm clorid, natri molybdat, kali iodid, natri selenat), gôm arabic, DẦU THỰC VẬT (dầu MCT, dầu đậu nành, dầu hướng dương giàu oleic), đậm whey cô đặc, hương liệu vani tự nhiên, polysaccharid đậu nành, VITAMIN (acid ascorbic, vitamin E, ascorbyl palmitat, hỗn hợp tocopherol, niacinamid, acid pantothenic, beta caroten, thiamin clorid hydroclorid, pyridoxin, vitamin B2, vitamin A palmitat, acid folic, vitamin K1, d-biotin, vitamin D3, vitamin B12), chất nhũ hóa lecithin đậu nành, cholin clorid, taurin, L – carnitin.

3. *Thời hạn sử dụng sản phẩm:*

24 tháng kể từ ngày sản xuất;

4. *Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:*

Hộp thiếc 380g, 24 hộp/1 thùng

Gói thiếc 37,5 g

Chất liệu bao bì: hộp thiếc, gói thiếc, thùng carton



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại Abbott Laboratories S.A.

Camino de Purchil, 68 18004 Granada, Tây Ban Nha

(A subsidiary of Abbott Laboratories, North Chicago, IL 60064, USA)

Xuất xứ: Tây Ban Nha

Đăng ký bởi: Chi nhánh Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam) tại thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Số 259/8/38, Quốc lộ 51, KP 1, phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Nhập khẩu và phân phối bởi: Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam)

Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** nhãn sản phẩm đính kèm.

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 5 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**





Các triệu chứng phổ biến ở bệnh nhân ung thư trong thời gian mắc bệnh, trước và sau điều trị là chán ăn, sụt cân rõ rệt, suy dinh dưỡng và thiếu máu. **ProSure® LÀ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CHUYÊN BIỆT DÀNH CHO NGƯỜI CÓ NGUY CƠ HOẶC ĐANG BỊ SỤT CÂN KHÔNG MONG MUỐN DO UNG THƯ HOẶC CÁC BỆNH LÝ VIÊM KHÁC GIÚP TĂNG THỂ TRỌNG, XÂY DỰNG KHỐI CƠ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG.**

Khuyến dùng 2 ly **ProSure®** mỗi ngày giúp cung cấp các dưỡng chất cần thiết hỗ trợ sức khỏe trong quá trình điều trị.



**Công thức dinh dưỡng đầy đủ, giàu năng lượng, hàm lượng đạm cao giúp xây dựng khối cơ.**



**Giàu EPA<sup>\*</sup> giúp giảm phản ứng tiền viêm và suy mòn do ung thư.**

12

**12 dưỡng chất hỗ trợ miễn dịch (protein, vitamin A, D, E, C, B<sub>6</sub>, B<sub>12</sub>, acid folic, sắt, kẽm, selen, đồng).**



**Chất xơ FOS giúp tăng cường lợi khuẩn Bifidobacteria trong ruột, hỗ trợ chức năng tiêu hóa.**

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:** Để pha 240 ml, cho 95 ml nước sôi để nguội vào ly, vừa từ từ cho vào 9 muỗng gạt ngang (muỗng có sẵn trong hộp) hay 75 g bột **ProSure®** vừa khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Khi bột tan hết, thêm 94 ml nước nữa và khuấy lại cho đều.

Khi pha theo đúng hướng dẫn, 1 ml **ProSure®** cung cấp 1,26 kcal.

**CHÚ Ý:** Sản phẩm này dùng để bổ sung dinh dưỡng và được sử dụng dưới sự hướng dẫn của bác sĩ. Không chứa Gluten. Rất ít Lactose, phù hợp cho người bất dung nạp Lactose. Không dùng cho người bệnh Galactosemia. Không dùng qua đường tĩnh mạch. Không dùng cho trẻ em trừ khi có ý kiến của bác sĩ/ nhân viên y tế. Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế.

**DÙNG NUÔI ĂN QUA ỐNG THÔNG:** Theo hướng dẫn của bác sĩ/ chuyên gia dinh dưỡng. **ProSure®** có thể được cho ăn bằng máy bơm hoặc ống thông. Khi sử dụng ống thông, chỉ nên dùng mỗi lần 240 ml. Lưu ý để phòng sự nhiễm khuẩn trong quá trình chuẩn bị và nuôi ăn qua ống thông.

**BẢO QUẢN:** Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng. Hộp đã mở phải được đậy kín, bảo quản nơi khô mát và sử dụng trong vòng 2 tuần. **ProSure®** đã pha không dùng hết phải cho vào tủ lạnh và dùng trong vòng 24 giờ.



\* Kết quả từ các nghiên cứu lâm sàng ở những người bị ung thư sử dụng 2 ly **ProSure®** mỗi ngày như một phần của chăm sóc toàn diện.

\* EPA: Acid Eicosapentaenoic là một acid béo Omega-3 chiết xuất từ dầu cá.

S746 23-005746-0171/04 SDK: XXXXXXXX



8 427030 005171

Abbott



Năng lượng cao, giàu đạm, EPA<sup>\*</sup> và các chất chống oxy hoá

# ProSure®

Dinh dưỡng chuyên biệt cho người **CÓ NGUY CƠ HOẶC ĐANG BỊ SỤT CÂN** do **UNG THƯ** hoặc các bệnh lý viêm khác giúp:

- Tăng thể trọng và xây dựng khối cơ
- Nâng cao chất lượng cuộc sống

Công thức cải tiến  
thơm ngon

HƯƠNG VANİ  
Khối lượng tịnh  
e 380g NET

302 kcal/ 240 ml

Thực phẩm dinh dưỡng y học

| Phân tích thành phần        | Đơn vị    | Hàm lượng /100 g bột | Hàm lượng /100 ml pha chuẩn** |
|-----------------------------|-----------|----------------------|-------------------------------|
| Năng lượng                  | kcal (kJ) | 402 (1696)           | 126 (530)                     |
| Chất đạm                    | g         | 21,29                | 6,65                          |
| Chất béo                    | g         | 8,19                 | 2,56                          |
| Acid Eicosapentaenoic (EPA) | g         | 1,41                 | 0,44                          |
| Acid Docosahexaenoic (DHA)  | g         | 0,64                 | 0,20                          |
| Carbohydrat                 | g         | 57,66                | 18,01                         |
| Tổng chất xơ                | g         | 6,62                 | 2,07                          |
| FOS                         | g         | 3,52                 | 1,10                          |
| Carnitin                    | mg        | 32,0                 | 10,0                          |
| Taurin                      | mg        | 64,0                 | 20,0                          |
| Cholin                      | mg        | 163,3                | 51,0                          |
| VITAMIN                     |           |                      |                               |
| Vitamin A                   | IU        | 1440                 | 450                           |
| β-caroten                   | IU        | 2241                 | 700                           |
| Vitamin D <sub>3</sub>      | IU        | 217                  | 68                            |
| Vitamin E                   | IU        | 96,0                 | 30,0                          |
| Vitamin K <sub>1</sub>      | mcg       | 32,0                 | 10,0                          |
| Vitamin C                   | mg        | 137,6                | 43,0                          |
| Vitamin B <sub>1</sub>      | mg        | 0,80                 | 0,25                          |
| Vitamin B <sub>2</sub>      | mg        | 0,93                 | 0,29                          |
| Niacin tương đương          | mg NE     | 6,72                 | 2,10                          |
| Vitamin B <sub>6</sub>      | mg        | 0,96                 | 0,30                          |
| Acid folic                  | mcg       | 102                  | 32                            |
| Vitamin B <sub>12</sub>     | mcg       | 1,76                 | 0,55                          |
| Biotin                      | mcg       | 16,0                 | 5,0                           |
| Acid pantothenic            | mg        | 3,07                 | 0,96                          |
| KHOÁNG CHẤT                 |           |                      |                               |
| Natri                       | mg        | 384                  | 120                           |
| Kali                        | mg        | 576                  | 180                           |
| Clơ                         | mg        | 448                  | 140                           |
| Canxi                       | mg        | 464                  | 145                           |
| Phot pho                    | mg        | 214                  | 67                            |
| Magiê                       | mg        | 134,4                | 42,0                          |
| Sắt                         | mg        | 2,08                 | 0,65                          |
| Kẽm                         | mg        | 8,00                 | 2,50                          |
| Đồng                        | mcg       | 248                  | 78                            |
| Mangan                      | mcg       | 1344                 | 420                           |
| Selen                       | mcg       | 25,3                 | 7,9                           |
| Iốt                         | mcg       | 51,2                 | 16,0                          |
| Crôm                        | mcg       | 25,6                 | 8,0                           |
| Molybden                    | mcg       | 35,2                 | 11,0                          |

**THÀNH PHẦN:** Maltodextrin, sucrose, đạm sữa cô đặc, canxi caseinat, dầu cô đặc, fructo-oligosaccharid, **KHOÁNG CHẤT** (natri citrat, magiê sulfat, kali citrat, magiê clorid, kali clorid, kali hydroxid, natri clorid, canxi carbonat, kẽm sulfat, sắt sulfat, mangan sulfat, đồng sulfat, crôm clorid, natri molybdat, kali iodid, natri selenat), gôm arabic, **DẦU THỰC VẬT** (dầu MCT, dầu đậu nành, dầu hướng dương giàu oleic), đạm whey cô đặc, hương liệu vani tự nhiên, polysaccharid đậu nành, **VITAMIN** (acid ascorbic, vitamin E, ascorbyl palmitat, hỗn hợp tocopherol, niacinamid, acid pantothenic, beta caroten, thiamin clorid hydroclorid, pyridoxin, vitamin B<sub>2</sub>, vitamin A palmitat, acid folic, vitamin K<sub>1</sub>, d-biotin, vitamin D<sub>3</sub>, vitamin B<sub>12</sub>), chất nhũ hóa lecithin đậu nành, cholin clorid, taurin, L-carnitin.

\*\* Cách pha chuẩn: 312,4 g bột cho 1 lít.

**Sản xuất tại Abbott Laboratories S.A.**  
Camino de Purchil, 68 18004 Granada, Tây Ban Nha.

(A subsidiary of Abbott Laboratories, North Chicago, IL 60064, USA)

**Xuất xứ:** Tây Ban Nha

**Đăng ký bởi:** Chi nhánh công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam) tại thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai, Số 259/8/38, quốc lộ 51, KP 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**Nhập khẩu & phân phối:** Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam), Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

**Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP) xem ở đây hộp.**

**Được đóng gói trong môi trường khí trơ.**

© 2023 Abbott





Các triệu chứng phổ biến ở bệnh nhân dùng sữa trong thời gian mắc bệnh, trước và sau điều trị là chán ăn, sụt cân rõ rệt, suy dinh dưỡng và thiếu máu. **ProSure® 1A, SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CHUYÊN BIỆT DÀNH CHO NGƯỜI CÓ NGUY CƠ HOẶC ĐANG BỊ SỤT CÂN KHÔNG MONG MUỐN DO UNG THƯ HOẶC CÁC BỆNH LÝ VIÊM KHÁC GIÚP TĂNG THỂ TRỌNG, XÂY DỰNG KHỐI CƠ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG.**

Khuyến dùng 2 ly **ProSure®** mỗi ngày giúp cung cấp các dưỡng chất cần thiết hỗ trợ sức khỏe trong quá trình điều trị.



Công thức dinh dưỡng đầy đủ, giàu năng lượng, hàm lượng đạm cao giúp xây dựng khối cơ.



Giàu EPA<sup>\*</sup> giúp giảm phản ứng viêm và suy mòn do ung thư.



12 dưỡng chất hỗ trợ miễn dịch (protein, vitamin A, D, E, C, B<sub>6</sub>, B<sub>12</sub>, acid folic, sắt, kẽm, selen, đồng).



Chất xơ FOS giúp tăng cường lợi khuẩn Bifidobacteria trong ruột, hỗ trợ chức năng tiêu hóa.

#### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Cho một ly pha chuẩn (240 ml): Cho 75 g bột **ProSure®** (9 muỗng hoặc 2 gói 37,5 g) vào 95 ml nước sôi để nguội, khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Khi bột tan hết, thêm 94 ml nước nữa và khuấy lại cho đều.

Gói nhỏ 37,5g pha được 120 ml hay

một nửa liều chuẩn: Cho 1 gói 37,5 g vào 47,5 ml nước sôi để nguội, khuấy kỹ và thêm 47 ml nước nữa, khuấy lại cho đều.

Khi pha theo đúng hướng dẫn, 1 ml **ProSure®** cung cấp 1,26 kcal.

**CHÚ Ý:** Sản phẩm này dùng để bổ sung dinh dưỡng và được sử dụng dưới sự hướng dẫn của bác sĩ. Không chứa Gluten. Rất ít Lactose, phù hợp cho người bất dung nạp Lactose. Không dùng cho người bệnh Galactosemia. Không dùng qua đường tĩnh mạch. Không dùng cho trẻ em trừ khi có ý kiến của bác sĩ/ nhân viên y tế. Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế.

**DÙNG NUÔI AN QUÁ ỨNG THÔNG:** Theo hướng dẫn của bác sĩ/ chuyên gia dinh dưỡng. **ProSure®** có thể được cho ăn bằng máy bơm hoặc ống thông. Khi sử dụng ống thông, chỉ nên dùng mỗi lần 240 ml. Lưu ý để phòng sự nhiễm khuẩn trong quá trình chuẩn bị và nuôi ăn qua ống thông.

**BẢO QUẢN:** Bảo quản gói chưa mở ở nơi khô mát và nhiệt độ phòng (nhưng không cho vào tủ lạnh). **ProSure®** đã pha không dùng hết phải cho vào tủ lạnh và dùng trong vòng 24 giờ.

Sản xuất tại Abbott Laboratories SA.

Camino de Purchil, 68 18004 Granada, Tây Ban Nha.

(A subsidiary of Abbott Laboratories, North Chicago, IL 60064, USA)

Xuất xứ: Tây Ban Nha

**Đăng ký bởi:** Chi nhánh công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam) tại thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. Số 259/8/38, quốc lộ 51, KP 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2 LY mỗi ngày  
HIỆU QUẢ  
TỐI ƯU



**THÀNH PHẦN:** Maltodextrin, sucrose, đậm sữa cô đặc, canxi caseinat, dầu cá biển, fructo-oligosaccharid, **KHOẢNG CHẤT** (natri citrat, magiê sulfat, kali citrat, magiê clorid, kali clorid, kali hydroxid, natri clorid, canxi carbonat, kẽm sulfat, sắt sulfat, mangan sulfat, đồng sulfat, crom clorid, natri molybdat, kali iodid, natri selenat), gôm arabic, **DẦU THỰC VẬT** (dầu MCT, dầu đậu nành, dầu hướng dương giàu oleic), đậm whey cô đặc, hương liệu vani tự nhiên, polysaccharid đậu nành, **VITAMIN** (acid ascorbic, vitamin E, ascorbyl palmitat, hỗn hợp tocopherol, niacinamid, acid pantothenic, beta caroten, thiamin clorid hydroclorid, pyridoxin, vitamin B<sub>2</sub>, vitamin A palmitat, acid folic, vitamin K<sub>1</sub>, d-biotin, vitamin D<sub>3</sub>, vitamin B<sub>12</sub>), chất nhũ hóa lecithin đậu nành, cholin clorid, taurin, l-carnitin.

| Phân tích thành phần        | Đơn vị    | Hàm lượng /100 g bột | Hàm lượng /100 ml pha chuẩn** |
|-----------------------------|-----------|----------------------|-------------------------------|
| Năng lượng                  | kcal (kJ) | 402 (1696)           | 126 (530)                     |
| Chất đạm                    | g         | 21,29                | 6,65                          |
| Chất béo                    | g         | 8,19                 | 2,56                          |
| Acid Eicosapentaenoic (EPA) | g         | 1,41                 | 0,44                          |
| Acid Docosahexaenoic (DHA)  | g         | 0,64                 | 0,20                          |
| Carbohydrat                 | g         | 57,66                | 18,01                         |
| Tổng chất xơ                | g         | 6,62                 | 2,07                          |
| FOS                         | g         | 3,52                 | 1,10                          |
| Carnitin                    | mg        | 32,0                 | 10,0                          |
| Taurin                      | mg        | 64,0                 | 20,0                          |
| Cholin                      | mg        | 163,3                | 51,0                          |
| <b>CÁC VITAMIN</b>          |           |                      |                               |
| Vitamin A                   | IU        | 1440                 | 450                           |
| β-caroten                   | IU        | 2241                 | 700                           |
| Vitamin D <sub>3</sub>      | IU        | 217                  | 68                            |
| Vitamin E                   | IU        | 96,0                 | 30,0                          |
| Vitamin K <sub>1</sub>      | mcg       | 32,0                 | 10,0                          |
| Vitamin C                   | mg        | 137,6                | 43,0                          |
| Vitamin B <sub>1</sub>      | mg        | 0,80                 | 0,25                          |
| Vitamin B <sub>2</sub>      | mg        | 0,93                 | 0,29                          |
| Niacin tương đương          | mg NE     | 6,72                 | 2,10                          |
| Vitamin B <sub>6</sub>      | mg        | 0,96                 | 0,30                          |
| Acid folic                  | mcg       | 102                  | 32                            |
| Vitamin B <sub>12</sub>     | mcg       | 1,76                 | 0,55                          |
| Biotin                      | mcg       | 16,0                 | 5,0                           |
| Acid pantothenic            | mg        | 3,07                 | 0,96                          |
| <b>CÁC KHOẢNG CHẤT</b>      |           |                      |                               |
| Natri                       | mg        | 384                  | 120                           |
| Kali                        | mg        | 576                  | 180                           |
| Clô                         | mg        | 448                  | 140                           |
| Canxi                       | mg        | 464                  | 145                           |
| Phốt pho                    | mg        | 214                  | 67                            |
| Magiê                       | mg        | 134,4                | 42,0                          |
| Sắt                         | mg        | 2,08                 | 0,65                          |
| Kẽm                         | mg        | 8,00                 | 2,50                          |
| Đồng                        | mcg       | 248                  | 78                            |
| Mangan                      | mcg       | 1344                 | 420                           |
| Selen                       | mcg       | 25,3                 | 7,9                           |
| Iốt                         | mcg       | 51,2                 | 16,0                          |
| Crom                        | mcg       | 25,6                 | 8,0                           |
| Molybden                    | mcg       | 35,2                 | 11,0                          |

\* Kết quả từ các nghiên cứu lâm sàng ở những người bị ung thư sử dụng 2 ly **ProSure®** mỗi ngày như một phần của chăm sóc toàn diện.

\*\* Cách pha chuẩn: 312,4 g bột cho 1 lít.

\* EPA: Acid Eicosapentaenoic là một acid béo Omega-3 chiết xuất từ dầu cá.



**Nhập khẩu & phân phối:** Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam), Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Được đóng gói trong môi trường khí trơ.

SĐK: XXXXXXXX

S746

PRO-O-01-23

Số lô : XXXXXXXX

Ngày SX : xx/xx/xxxx

Hạn SD : xx/xx/xxxx

© 2023 Abbott



Năng lượng cao, giàu đạm, EPA<sup>\*</sup> và các chất chống oxy hoá

# Prosure®

Dinh dưỡng chuyên biệt cho người **CÓ NGUY CƠ HOẶC ĐANG BỊ SỤT CÂN** do **UNG THƯ** hoặc các bệnh lý viêm khác giúp:

- Tăng thể trọng và xây dựng khối cơ
- Nâng cao chất lượng cuộc sống

Công thức cải tiến  
thơm ngon



HƯƠNG VANI

Khối lượng tịnh

e 37,5 g NET

Thực phẩm dinh dưỡng y học

HÀNG MẪU - KHÔNG ĐƯỢC BÁN



## CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

Số: **0236** /2025/CTGD

- Đơn vị đăng ký giám định:** CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG 3A (VIỆT NAM)  
**Địa chỉ:** Centec tower, Số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đối tượng giám định:** THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC: PROSURE (INVOICE 351125 – LOT 73425QU04)
- Hồ sơ đăng ký:**
  - Giấy đăng ký giám định số 237/GĐ ngày 03/4/2025.
  - Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 12/2023/ĐKSP.
- Nội dung giám định:** Giám định các chỉ tiêu *L. Monocytogenes* và Melamin theo Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 12/2023/ĐKSP.
- Phương pháp giám định:** Giám định trên mẫu do Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (Việt Nam) mang đến. Phương pháp giám định được thực hiện theo quy trình QT.05/GĐ của Viện Y tế công cộng TP.HCM. Các chỉ tiêu của mẫu giám định tại mục 4 được đánh giá theo Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 12/2023/ĐKSP.
- Địa điểm tiến hành:** Mẫu giám định được giám định viên Lê Quốc Cường tiếp nhận tại Phòng Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu và kiểm nghiệm tại Trung tâm Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm khu vực phía Nam thuộc Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện:** Từ ngày 03/4/2025 đến 11/4/2025.



# KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

## 1. Mô tả đối tượng giám định:



- Tên hàng hóa: THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC: PROSURE (INVOICE 351125 – LOT 73425QU04)
- Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn, có nhãn hiệu rõ ràng.
- Quy cách : 380 g/hộp thiếc
- Số Lot : 73425QU04
- Ngày sản xuất : 09/01/2025
- Hạn sử dụng : 09/01/2027
- Xuất xứ : Abbott Laboratories S.A – Tây Ban Nha

## 2. Kết quả kiểm nghiệm : Xem phụ lục đính kèm

## 3. Kết luận:

Mẫu giám định có kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu (phụ lục đính kèm) phù hợp với mức công bố tại Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 12/2023/ĐKSP.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày... **11-04-2025**

BỘ PHẬN GIÁM ĐỊNH

Nguyễn Thị Thoan



Phạm Kim Anh



| STT | Chỉ tiêu kiểm nghiệm    | Đơn vị tính | Kết quả                       | Công bố số<br>12/2023/ĐKSP |
|-----|-------------------------|-------------|-------------------------------|----------------------------|
| 1.  | <i>L. Monocytogenes</i> | CFU/g       | < 10                          | ≤ 100                      |
| 2.  | Melamin                 | mg/kg       | Không phát hiện<br>LOD = 0,05 | ≤ 2,5                      |

